



méi qù

没趣

adjective · boring; no fun

Example Sentence

Zhè bù diàn yǐng qíng jié tài lǎo tàò kàn de rén méi qù
这部电 影 情 节 太 老 套 ， 看 得 人 没 趣 。

This movie's plot is too cliché, making it boring to watch.

Trace each character, then write the word on your own.

没	没	没	没	没	没	没	没	没	没
趣	趣	趣	趣	趣	趣	趣	趣	趣	趣
趣	趣	趣	趣	趣	趣	趣			